**Toán**

 **Bài 12: BẢNG NHÂN 9, BẢNG CHIA 9 (Tiết 1) - Tuần 5**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Hoàn thành được bảng nhân 9, bảng chia 9.

- Vận dụng vào tính nhẩm, giải các bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 9, bảng chia 9.

- Sử dụng được bảng nhân, chia để tính được một số số phép nhân, phép chia trong bảng.

***2. Năng lực:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

- Phát triển năng lực tư duy, lập luận toán học và năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp toán học.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Đồ dùng chung, Slide

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động. (3-5’)** |
| - GV cho cả lớp hát, vận động theo nhạc.- GV y/c HS viết phép nhân 8 và hai phép chia 8 tương ứng.- GV nhận xét, tuyên dương.- Dựa vào đâu em viết được hai phép chia tương ứng?- GV nhận xét.- GV gọi HS đọc thuộc bảng nhân, chia 8.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Bảng nhân 9, bảng chia 9.* - GV ghi bảng. | - Cả lớp hát, vận động.- HS viết BC.- HS đọc.- Dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân, phép chia: Lấy tích chia TS thứ nhất, được TS thứ hai. Lấy tích chia TS thứ hai, được TS thứ nhất. (Lấy tích chia cho thừa số này thì được thừa số kia)- 2 HS đọc.- HS nhắc lại tên bài. |
| **2. Khám phá (12-15’)** |  |
| \* Bảng nhân 9 - G nêu tình huống:- Việt đố các bạn điều gì?***Mỗi đội múa rồng có 9 người. Hỏi 2 đội múa rồng có bao nhiêu người?***+ Muốn tìm 2 đội múa rồng có bao nhiêu người ta làm ntn?+ Vì sao ta lấy 9 x 2?- GV ghi bảng: 9 x 2 = ?- Dựa vào KT đã học, yêu cầu H tính kết quả vào BC -> N2- G chữa bài - G nhận xét- Vì sao 9 x 2 = 18?- G viết bảng: 9 x 2 = 18 (Phép nhân chính là phép cộng các số hạng bằng nhau)- G viết bảng: 9 x 3 = ?- Y/c HS nêu nhanh kết quả.- Em làm như thế nào?- Theo em, cách nào nhanh hơn?-> GV chốt: ***9 x 2 và 9 x 3 là hai phép nhân liền kề, 9 x 3 hơn 9 x 2 một lần 9, để tìm kết quả 9 x 3 ta lấy kết quả 9 x 2 cộng thêm 9. Đây là cách làm nhanh giúp các em hoàn thành bảng nhân 9, cũng là cách bạn Rô-bốt hướng dẫn chúng ta.***- G đưa bóng nói của Rô-bốt -> Y/c HS đọc- G cho H hoàn thành bảng nhân 9.- Yêu cầu Hs đọc các tích trong bảng nhân 9, nhận xét thành phần trong bảng nhân 9-> Quy luật lập bảng nhân 9\* Bảng chia 9 - HS đọc phép nhân: 9 x 2 = 18- Từ phép nhân, ta biết 18 : 9 = ? Vì sao?G viết bảng: 9 x 2 = 18 -> 18 : 9 = 2- E có nhận xét gì về 2 phép tính này?- G: ***Phép chia là phép tính ngược của phép nhân. Dựa vào bảng nhân 9, ta lập được bảng chia 9 bằng cách lấy tích chia cho TS thứ nhất là 9, được thương là TS thứ hai.***-> Yêu cầu Hs hoàn thành bảng chia 9- Vì sao 9 : 9 = 1? 54 : 9 = 6?- H nhận xét các thành phần trong bảng chia.- Từng thành phần trong bảng chia chính là thành phần nào trong bảng nhân?- Yêu cầu H nhẩm thuộc 2 bảng.- Yêu cầu H đọc thuộc trước lớp.**3. Hoạt động (15-17’)****Bài 1. Tính nhẩm - S (3-5’)****-** GV yêu cầu HS tính nhẩm các phép nhân trong bảng nhân 9.- Y.c H nêu kết quả - Nhận xét- GV yêu cầu HS nhận xét về 2 phép nhân 9 x 0 và 0 x 9- GV nhận xét, tuyên dương-> Chốt Bảng nhân 9, bảng chia 9**Bài 2: Hai phép nhân nào dưới đây có cùng kết quả - TC**- Tổ chức cho HS chơi trò chơi+ GV nêu cách chơi - GV nhận xét- Trong các phép tính ghi ở các quả dưa, phép tính nào có kết quả lớn nhất?- Trong các phép tính ghi ở các rổ, phép tính nào có kết quả bé nhất.-> Chốt: Bảng nhân 9, bảng chia 9. | - HS quan sát và lắng nghe. - HS nêu.- Làm phép nhân: 9 x 2- HS nêu.- HS làm BC -> N2- H đọc kết quả theo dãy- H nêu+ Vì 2 x 9 = 18+ Vì 9 x 2 là 9 được lấy 2 lần: 9 + 9 = 189 x 3 = 27- HS nêu:9 + 9 + 9 = 2718 + 9 = 27- HS nêu- HS đọc- H hoàn thành bảng nhân 9 -> N2- HS trình bày- Thừa số thứ nhất giống nhau đều là 9, thừa số thứ hai tăng thêm 1....- H nêu- HS nêu 18 : 9 = 2- 18 là tích, 9 là TS1, 2 là TS2 Dựa vào mối quan hệ phép nhân, chia, lấy tích chia cho TS này thì được TS kia.- HS thực hiện CN -> N2.- HS đọc bảng chia theo dãy- H nêu- H nêu- H nêu: trong phép chia 18 chính là tích của phép nhân, 9 là TS 1, 2 là TS2- H nhẩm -> đọc cho nhau nghe N2- Hs đọc to trước lớp- HS đọc thầm yêu cầu- HS làm việc cá nhân vào SGK.- HS nêu kết quả

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 9 x 1 | 9 x 2 | 9 x 3 | 9 x 10 |
| 9 x 4 | 9 x 5 | 9 x 6 | 9 x 0 |
| 9 x 7 | 9 x 8 | 9 x 9 | 0 x 9 |

- HS lắng nghe- HS trả lời: Số nào nhân với 0 cũng bằng 0; 0 nhân số nào cũng bằng 0.- HS đọc thầm yêu cầu- HS lắng nghe- HS tham gia chơi: Mỗi HS cầm phiếu có ghi phép tính khác nhau, khi có hiệu lệnh HS sẽ tìm đến nhau để hai phép tính có cùng kết quả.- HS trả lời: Phép tính 9 x 2 - HS trả lời: Phép tính 20 : 4 - HS đọc bảng |
| **4. Vận dụng (1-2’)** |
| **-** GV tổ chức trò chơi: **Rung chuông vàng.**- GV phổ biến luật chơi.+ Câu 1: 9 x 7 = ?1. A. 54 B. 63 C. 72

+ Câu 2: 36 : 9 = ?1. A. 2 B. 3 C. 4

+ Câu 3: Có 45 chiếc kẹo được chia đều cho 9 bạn. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo? A. 6 cái B. 5 cái C. 4 cái - GV tổng kết TC. - Tiết học hôm nay em học bài gì?- Em thấy mình và các bạn học tập ntn?- Nhận xét, tuyên dương | - HS lắng nghe.- HS tham gia trò chơi.- HS nêu. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |
|  |